

Dân Tộc và Tôn Giáo

Đặt mình vào thời gian và không gian lịch sử của thời kỳ bắc thuộc vào những năm đầu của chính sách thôn tính lâu dài nước Việt của các thái thú Tàu, dưới nhận xét của Tâm Việt và Hồn Việt trên dòng tâm thức và bản sắc văn hóa Việt. Những dữ kiện lịch sử sẽ được xác định nền văn hóa nhân bản tâm linh thể hiện qua nền giáo dục nhân bản tâm linh, với cảm nan đích lý – học ăn, học nói, học gói, học mở, và nền tâm học – biến, hóa, thăng hoa, hòa đồng, hòa cùng vũ trụ đã trường tồn theo dòng sinh mệnh của dân tộc. Đây là một nền văn hóa có tính cách độc lập và sáng tạo khi đã đặt trên nguyên lý Âm Dương chuyển dịch Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đời (Thiên Nhiên) vào dòng sống.

Qua ngôn ngữ và liên hệ huyết thống trong gia tộc và quan niệm xem mọi người trong xã hội đều là người thân trong gia đình qua cách xưng hô đầy thân thương: chú, bác, cô, dì, cậu mợ, anh, chị, em, v.v.... Trong nếp sống Việt con cô, con cậu, con dì không được kết hôn, trái lại trong nếp sống Tàu không ngăn cấm điều đó (xem Hỏa Mù Trong Mặt Trận Văn Hóa... – www.tusachvietthuong.org). Trong lúc đương thời Nhâm Diên, Tích Quang, Sĩ Nhiếp và cho tới tận ngày nay người Tàu vẫn xưng hô nị ngộ với cha mẹ và mọi người. Điều đó cho thấy văn hóa đô hộ, đồng hóa của “Tu, Tề, Trị, Bình” chỉ là lớp sơn bên ngoài. Nó chỉ đầu độc được một số khoa bảng nào đó và một số người học đòi theo khoa bảng mà thôi.

Gương dao Tàu chỉ làm cong được lưng, chớ không đoạt được lòng người Việt. Tức là có sự khác biệt và độc lập rõ rệt của văn hóa và lịch sử.

Trên nền tảng của nhân bản tâm linh, bản sắc văn hóa dân tộc Việt luôn biến hóa thăng hoa theo dòng sống dân tộc. Đây là môi trường tràn đầy tính người và tình người thích ứng và thích nghi để cấy trồng, ban phát hạt giống tình thương một cách tự nhiên khi hội đủ nhân duyên thích hợp, vì là xã hội có tình người, phát sinh từ thời cách mạng nông nghiệp trồng lúa nước, cách ngày nay khoảng 6,000 – 7,000 năm, phát triển nên Việt Nam thuở bấy giờ dễ trở thành tụ điểm của giao lưu kinh tế, văn hóa: *đất lành chim đậu*.

Từ xa xưa các triều đại phong kiến Tàu đã từng xác nhận Việt Nam danh hiệu: **Văn Hiến Chi Bang**. Người Tàu cũng công nhận Việt Nam là **Hiếu Úc Quốc** (đất nước của người hiếu thảo), qua bức họa độc đáo của Lý Công Lân, đại thần nhà Tống vẽ miêu tả các xứ thần Đại Việt vào năm 1078. Bức họa này được lưu giữ tại bảo tàng E. Guimet, Paris (Thái Văn Kiềm).

Điều này cho thấy xã hội đã có một nền tảng **tâm linh** vững chắc độc lập dù bị đô hộ nhưng bản sắc văn hóa vẫn giữ được nét đặc thù của nó. Vì có một nền tảng tâm linh phát huy được tiềm năng của tình thương trong cuộc sống, nên Việt Nam phát triển **tâm linh** trong các sinh hoạt văn hóa, **mà chưa từng có tổ chức tôn giáo thành một hệ thống** chi phối đời sống tâm linh con người.

Ngưỡng cửa tâm linh luôn rộng mở, ở thời kỳ tiền phát triển xã hội cách vài ngàn năm. Quan niệm và tư tưởng tôn giáo chỉ là hình thức **dò tìm**, tôn thờ **cái bên ngoài con người**, chớ chưa có trong đời sống thực như xã hội Việt Nam. Những hạt giống tình thương được nẩy nầm tươi tốt khi hội nhập và gặp gỡ môi trường xã hội đã chuyển tải tình thương trong dòng đời như xã hội Việt Nam. Thí dụ điển hình là các thương nhân Ấn Độ, các nhà sư Phật giáo khi tụ tập tại chợ đời ở Việt Nam họ đã đem **khái niệm** từ bi, **khái niệm** Phật đạo (vô thường duyên khởi,

v.v...) để giao dịch thay vì văn hóa Ấn Độ. Ví như cây hoa lan Phật giáo nếu không có mảnh đất tràn đầy tình thương của nền văn hóa Việt Nam thì liệu có được kết lá đơm hoa tươi tốt hay chẳng? Câu trả lời là dĩ nhiên KHÔNG, vì ngay trên quê hương đất Phật, một đất nước phân chia đẳng cấp vô cùng khắc nghiệt trải qua vài ngàn năm rồi tôn giáo này có phát triển và thay đổi được cái nhìn và cái tư duy cho xã hội Ấn Độ được đâu. Hạt giống tình thương trong tâm của người Việt gặp gỡ môi trường xã hội chan hòa tình người nên nảy mầm tươi tốt phát triển trên dòng sống dân tộc mà người ta ngộ nhận là do khái niệm từ bi của Phật giáo tạo nên. Thử ngắm nhìn về các ông vua của Nepal, Ấn Độ, Trung Quốc, Campuchia, Miến Điện,... có thương dân như các vua Lý-Trần không? Hay họ bắt dân xây đền đài, cung điện, Vạn Lý Trường Thành, Đế Thiên Đế Thích,....

Đây là một dẫn chứng cụ thể để cho những người và các tổ chức tội đồ văn hóa (cho rằng các vua Lý-Trần có lòng thương dân là do ảnh hưởng của Phật giáo) thức tỉnh sáng suốt nhận chân cho đúng sự việc, tránh những sai lầm đáng tiếc. Hành động đáng tiếc này vô hình chung là một hành động sĩ nhục được coi như con cháu dân Việt tự mình sĩ nhục ông bà tổ tiên mình.

“Trên quê hương Việt Nam, tôn-giáo đã làm phân rẽ đi tinh-thần Việt tộc. Con người hôm qua thờ tất cả nhưng thật sự họ không thờ gì. Thờ thần sông, thần núi, thờ thần hoàng, thờ thổ địa, thờ bên đò, thờ cây đa. Thờ, như một đối đãi với thần linh, với thiên nhiên. Họ chỉ thật sự thờ cúng khi họ đã bình an dưới mái nhà - thờ ông bà - con người hôm qua cho thần thánh là chuyện làng, chuyện xã, trời là chuyện vua, con người, phần thân cận nhất là ông bà cha mẹ, vợ con, bằng hữu, láng giềng. Ông thần vắng mặt. Hôm nay đã khác. Con người hôm nay nhìn ngắm như là văn minh hơn, thật sự con người hôm nay chỉ khả quan hơn phần vật chất, còn phần tâm linh, phần chỉ đạo tối cao của con người, dường như con người hôm nay đã khổ tâm thập bội.

Thử nhìn ngắm về những xã hội Tây Phương, các em bé lên ba, lên năm đã học về thiên đường, về sự chết. Những bé con từ ngây thơ đã vác thập giá mà đi. Phần tâm linh lý ra được mở. Các em cho đến già, đến chết, làm sao dám hỏi Thượng Đế là gì?

Thử nhìn ngắm về những xã hội Đông Phương, phần lớn họ vác Phật trên vai, vác đến già, đến chết. Và tội thay, cho đến ngày họ chết họ chưa biết Phật là ai?

Tôn giáo, thật sự đã làm thiu chột sinh lực con người, đã tập con người nô lệ. Nô lệ cho Thượng Đế hay nô lệ cho một tên nô lệ. tinh thần nô lệ không khác. Chỉ khi nào con người thật sự thăng thang trong mọi kích thích. Chỉ khi nào con người có thể ý thức được thể mệnh và tính mệnh của chính mình, con người mới đúng ý nghĩa là người đích thực. Nhưng tôn giáo đã là một cái ách vô hình làm sao con người thoát gỡ được; và qua tôn giáo, không ít thì nhiều- con người- (một thiểu số) đã tìm được bình an. Có thể họ sống trong bình an giả tạo, nhưng dù là giả tạo, còn hơn không bờ bến tựa nương” (Đặng Thanh Tùng, TINH HOA TƯ TƯỞNG VIỆT, nxb Tủ Sách Việt Thường trang 114-115), cho những người thiếu vắng tinh thần nhân chủ, chưa ý thức được thể mệnh và tính mệnh của chính mình.

Ngày nay trước nhu cầu phát triển của nền tin học và xu hướng toàn cầu hóa, nhu cầu tâm linh con người cần phát huy đúng mức để xóa bỏ mọi biên giới ngăn cách lòng người. Người ta đang lập lại lỗi lầm thiên niên là **tụ tập vào các tổ chức tôn giáo** để làm cho vết thương trần thế thêm nhức nhối thay vì chữa lành nó.

Ông Krishnamurti cách đây gần nửa thế kỷ đã cảnh báo rằng: tất cả những tôn phái, những học thuyết nào còn mang đến cho các Ngài một hệ thống ý thức để giải quyết sự đau khổ, kinh tế, xã hội hoặc tôn giáo thì đó đúng là mối hiểm họa tai hại nhất, bởi vì lúc **bây giờ hệ thống ý thức lại trở thành quan trọng, chứ không phải là con người**. Dù đó là hệ thống ý thức tôn giáo hay hệ thống ý thức của phái tả hay phải hữu, hệ thống ý thức trở thành quan trọng, triết lý, ý tưởng, những thứ ấy trở thành quan trọng, chứ không phải con người nữa. Vì tranh đấu cho một ý tưởng, cho ý thức hệ, các Ngài sẵn sàng hy sinh toàn thể nhân loại: **đó là điều đang xảy ra hiện nay trên thế giới** (Krishnamurti, *Tự Do Đầu Tiên và Cuối Cùng*, Phạm Công Thiện chuyên ngữ, Đại Nam in lần 2, 1983, Trang 25).

Con người phải về đến tận cội nguồn Thiên Thu Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên), không dừng chân ở bất cứ giáo hội nào, bất cứ chủ nghĩa nào, bất cứ quan niệm triết học nào. Về đến tận cội nguồn của Lý (biến dịch) đem phần **Dụng** của nó vào **cuộc sống một cách trần trụi như vậy** thì trần gian sẽ là Thiên Đường hoặc giả là Niết Bàn ở mỗi khoảnh khắc của hiện thực ngay nơi cuộc sống.

“Là người Việt Nam. Hãy phục hoạt truyền thống phát triển tâm linh mà khởi điểm là **trở về với chính mình** (trăm hay xoay vào lòng). Trở về với chính mình, lấy con người làm gốc, thuận lý theo thiên nhiên, với nếp sống tinh thức, **qua quá trình chuyên hóa tâm thức**, sống trọn vẹn với cuộc sống (cái đang là, cái đang xảy ra) theo chiều kích tâm linh **phát triển tình thương và trí tuệ**, với định hướng – *Biến, Hóa, Thăng Hoa, Hòa đồng, hòa cùng vũ trụ*, hội nhập vào dòng tâm thức dân tộc, hòa cùng dòng tâm thức nhân loại để tự cứu mình; đồng thời đóng góp phần mình vào việc **hóa giải cuộc khủng hoảng tâm thức của nhân loại** do mâu thuẫn kinh tế, chính trị, và nhất là tôn giáo tạo nên để tiến tới xây dựng nền văn minh nhân bản” (Tủ Sách Việt Thường).

Võ Thành

Tủ Sách Việt Thường

www.tusachvietthuong.org